

HOSE 26/12/2013

VNINDEX 506.55 2.13 0.42%

KLGD 82,920,668 CP
GTGD 1,370.70 Tỷ
GTR NDTNN 112.87 Tỷ

CP Tăng giá 97 CP
CP Giảm giá 91 CP
CP Đứng giá 116 CP



Tâm điểm

- ▶ Chưa có nhiều tin tức hỗ trợ, 2 sàn giao dịch trong biên độ hẹp
- ▶ Giá trị giao dịch trên 2 sàn giữ ở mức trung bình
Tổng giá trị giao dịch trên cả 2 sàn nếu loại trừ GDTT đạt khoảng 1.350 tỷ đồng.
- ▶ Lãi suất trên thị trường liên ngân hàng tăng mạnh
Các ngân hàng đang tích cực đẩy tín dụng
Gáfin
- ▶ 2013: Năm thắng lợi của ngành sản xuất thủy sản
Tổng sản lượng thủy sản cả năm 2013 tăng hơn 2,2% so với năm 2012
VOV1
- ▶ Hơn 53% mặt hàng xuất khẩu chính có trị giá xuất khẩu vượt 1 tỷ USD
Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu cũng có sự chuyển dịch tích cực
Người Đồng Hành
- ▶ LAS - Lãi năm 2013 ước đạt 555 tỷ đồng
Vượt 28% kế hoạch đề ra đầu năm
HOSE
- ▶ PVD - Cung cấp giàn khoan cho Hoàng Long JOC
Theo đó, hợp đồng được bắt đầu từ tháng 2 năm 2014 và được kéo dài 8 tháng
Đầu Tư Chứng Khoán

HNX 26/12/2013

HNXINDEX 68.10 -0.10 -0.15%

KLGD 56,977,531 CP
GTGD 430.40 Tỷ
GTR NDTNN 11.68 Tỷ

CP Tăng giá 96 CP
CP Giảm giá 105 CP
CP Đứng giá 178 CP



Thị trường / Ngành

Theo thị trường

| | Vốn hóa (tỷ) | EPS | P/E | P/B | D/E |
|---------------------------|----------------|--------------|-------------|------------|-------------|
| HOSE | 842,840 | 2,352 | 12.2 | 2.9 | 2.86 |
| HNX | 107,867 | 732 | 16.9 | 1.6 | 4.47 |
| Toàn bộ thị trường | 950,707 | 1,855 | 13.1 | 2.8 | 3.07 |

Theo ngành

| | | | | | |
|-------------------------------|---------|-------|--------|-----|------|
| Nhựa, cao su & sợi | 7,910 | 4,300 | 6.3 | 1.0 | 0.52 |
| Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & | 21,106 | 5,436 | 6.5 | 1.6 | 0.39 |
| Thép và sản phẩm thép | 27,557 | 1,419 | 13.9 | 1.6 | 1.83 |
| Khai khoáng | 12,140 | 726 | 39.4 | 4.9 | 0.35 |
| Vật liệu xây dựng & Nội thất | 14,990 | 1,025 | 11.7 | 1.3 | 1.64 |
| Xây dựng | 24,166 | - 395 | - 23.2 | 0.9 | 3.27 |
| Máy công nghiệp | 8,119 | 2,915 | 8.2 | 1.4 | 0.66 |
| Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng | 8,733 | 3,097 | 11.0 | 1.4 | 0.43 |
| Lốp xe | 6,061 | 4,405 | 7.6 | 2.3 | 1.28 |
| Nuôi trồng nông & hải sản | 12,093 | 1,640 | 10.4 | 1.1 | 1.97 |
| Thực phẩm | 196,738 | 3,857 | 21.7 | 5.4 | 0.76 |
| Dược phẩm | 13,693 | 5,962 | 10.7 | 3.1 | 0.80 |
| Phần mềm | 13,131 | 5,015 | 8.1 | 1.8 | 1.11 |
| Sản xuất & phân phối điện | 21,054 | 2,218 | 6.5 | 1.2 | 1.17 |
| Phân phối xăng dầu & khí đốt | 128,696 | 6,178 | 9.6 | 3.6 | 0.45 |
| Bảo hiểm nhân thọ | 26,130 | 1,618 | 23.7 | 2.2 | 3.18 |
| Môi giới chứng khoán | 17,116 | 696 | 14.4 | 1.0 | 0.58 |
| Ngân hàng | 195,156 | 1,665 | 10.1 | 1.2 | 9.66 |
| Bất động sản | 127,695 | 1,345 | 16.8 | 2.7 | 1.92 |
| Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí | 27,171 | 3,937 | 8.4 | 1.5 | 1.48 |

VN30 & HNX30 INDEX

VN30 562.45 1.27 0.23%
HNX30 128.36 -0.54 -0.42%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

VietinBankSc

 306 Ba Triệu
Hai Ba Trưng
Hanoi
Vietnam

Tel: (844) 3974 7952

Fax: (844) 3974 1760

www.vietinbanksc.com.vn

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Lãi suất trên thị trường liên ngân hàng tăng mạnh

2013: Năm thắng lợi của ngành sản xuất thủy sản

Hơn 53% mặt hàng xuất khẩu chính có trị giá xuất khẩu vượt 1 tỷ USD

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

DXG: 20/01/2014 - giao dịch 10 triệu cp phát hành thêm

LAS - Lãi năm 2013 ước đạt 555 tỷ đồng

PVD - Cung cấp giàn khoan cho Hoang Long JOC

► Tin kinh tế

Kể từ đầu tuần này, tất cả các mức lãi suất trên thị trường liên ngân hàng đã tăng mạnh. Cụ thể, tính đến ngày 25/12, lãi suất bình quân qua đêm và kỳ hạn 1 tuần lần lượt là 4.8%/năm và 5.26%/năm, tăng tăng lần lượt là 2.45% và 2.51% so với ngày 20/12. Tuy không tăng mạnh như lãi suất qua đêm và kỳ hạn 1 tuần, lãi suất kỳ hạn 1 tháng và kỳ hạn 3 tháng trong ngày 25/12 lần lượt là 5.5%/năm và 5.82%/năm, tăng tương ứng là 1% và 0.12% so với cuối tuần trước.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng năm 2013 đã ghi nhận một năm thắng lợi của sản xuất thủy sản khi tiếp tục duy trì được tốc độ tăng trưởng. Theo số liệu thống kê, tổng sản lượng thủy sản cả năm 2013 đạt 6.05 triệu tấn, tăng hơn 2.2% so với năm 2012, trong đó sản lượng khai thác đạt hơn 2.7 triệu tấn, sản lượng nuôi trồng đạt 3.34 triệu tấn. Năm 2013 cũng là năm được mùa, được giá đối với tôm nước lợ mà tôm thẻ chân trắng đã tạo nên sự thay đổi ấn tượng, với giá trị xuất khẩu tôm đạt 2.5 tỷ USD, tăng gần 33% so với cùng kỳ, chiếm 44% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản.

Theo báo cáo của Tổng cục Hải quan tính đến ngày 15-12-2013 đã có 53% mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam có trị giá xuất khẩu vượt 1 tỷ USD. Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu cũng có sự chuyển dịch tích cực: nông thủy sản: giảm từ 20% (2011) xuống 15% (2013); nhiên liệu, khoáng sản: từ 11.6% xuống 7.2%; công nghiệp chế biến: tăng từ 61.2% lên 70.7%.

► Tin doanh nghiệp

Ngày 26/12/2013, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã có thông báo số 1047/2013/TB-SGDHCM chấp thuận cho Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh (HOSE: DXG) được niêm yết và giao dịch bổ sung 10,000,000 cổ phiếu phát hành thêm với tổng giá trị 100,000,000,000 đồng. Đây là số cổ phần phát hành riêng lẻ cho 04 nhà đầu tư của DXG. Toàn bộ số cổ phần đã bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán ngày 18/12/2012. Ngày niêm yết có hiệu lực là 7/01/2013 và ngày chính thức giao dịch là 20/01/2014.

CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao (HNX: LAS) ước lãi trước thuế năm 2013 đạt 555 tỷ đồng, vượt 28% chỉ tiêu kế hoạch đề ra trong năm. Cụ thể, doanh thu năm 2013 của LAS ước đạt 5,172 tỷ đồng, vượt 6.6% kế hoạch. Giá trị sản xuất công nghiệp trong năm đạt 4,843 tỷ đồng, giá trị đầu tư xây dựng đạt 30,517 tỷ đồng và nộp ngân sách nhà nước 200.44 tỷ đồng. Lãi trước thuế năm 2013 đạt 555 tỷ đồng, tăng 6% so với năm trước và vượt 28% chỉ tiêu kế hoạch đề ra trong năm 2013 (435 tỷ đồng). Ngoài ra, HĐQT LAS cũng thống nhất tạm ứng cổ tức 10% bằng tiền.

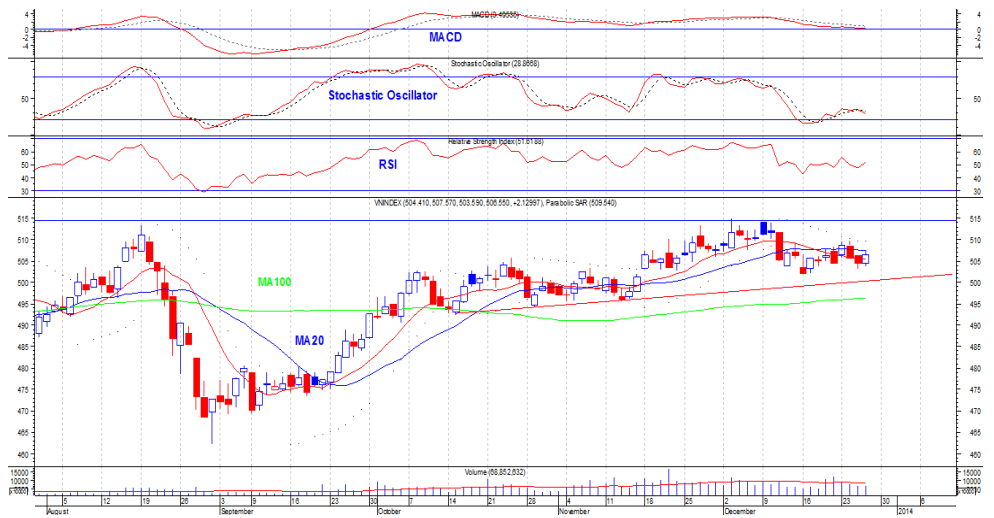
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (HOSE: PVD) đã ký kết cung cấp giàn khoan tự nâng "Enasco 109" cho chiến dịch khoan 2014 của Hoang Long JOC. Theo đó, hợp đồng được bắt đầu từ tháng 2 năm 2014 và được kéo dài trong 8 tháng. Cũng theo hợp đồng, PV Drilling sẽ cung cấp dịch vụ cho Hoang Long JOC tại lô 16-1 ngoài khơi Việt Nam. Hoang Long JOC là đối tác quen thuộc của Tổng Công ty PV Drilling trong nhiều năm qua. Trước đó, PVD đã ký kết hợp đồng cung cấp giàn khoan "Galveston Key" Cừu Long JOC từ tháng 2/2014 và thời hạn hợp đồng kéo dài khoảng 7 tháng, phục vụ cho chiến dịch khoan của Cừu Long JOC tại lô 15-1 ngoài khơi Việt Nam.

HOSE 26/12/2013 VNINDEX 506.55 2.13 0.42% 82,920,668 CP 1,370.70 bil VND

Bluechips kéo VN-Index phục hồi sau 2 phiên giảm điểm

VN-Index tăng 2.13 điểm (+0.42%), đóng cửa tại mức 506.55 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, tăng điểm, VN-Index vẫn đang giao dịch trong vùng 504 - 510 điểm.

- MA10, MA20 đi ngang, cho thấy thị trường đang không có xu hướng rõ ràng.
- Tín hiệu MACD Histogram đi ngang phía dưới đường Zero - base, vì vậy xu hướng ngắn hạn vẫn đang rủi ro.
- Stochastic Oscillator cho tín hiệu bán và hướng xuống dưới.
- ADX vẫn đi xuống và đang xoắn lại cho thấy thị trường vẫn đang chưa rõ xu hướng.



HOSE Top 5 theo KLGD

| | | |
|-----|--------------|------------|
| ITA | 0.1 (1.5%) | 10,478,400 |
| HQC | -0.2 (-2.4%) | 4,897,780 |
| FLC | -0.5 (-4.7%) | 3,810,760 |
| OGC | -0.2 (-1.8%) | 1,909,330 |
| HAR | 0.3 (3.4%) | 1,826,210 |

HOSE Top 5 theo % tăng

| | | |
|-----|------------|---------|
| GTA | 0.7 (7.0%) | 16,570 |
| SPM | 1.7 (6.9%) | 370 |
| SJS | 1.2 (6.9%) | 177,590 |
| TCO | 0.7 (6.9%) | 4,020 |
| SFC | 1.3 (6.7%) | 8,840 |

HOSE Top 5 theo % giảm

| | | |
|-----|--------------|---------|
| SSC | -3.9 (-9.1%) | 130 |
| BGM | -0.3 (-7.0%) | 571,540 |
| HOT | -1.8 (-6.9%) | 1,900 |
| HLG | -0.4 (-6.9%) | 790 |
| GDT | -1.7 (-6.8%) | 10,120 |

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

| | | |
|-----|---------|---------|
| HPG | 35,5 tỷ | 877,800 |
| PVD | 19,4 tỷ | 317,010 |
| GAS | 12,7 tỷ | 193,980 |
| VCB | 12,1 tỷ | 450,000 |
| CII | 11,9 tỷ | 607,850 |

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

| | | |
|-----|---------|---------|
| IJC | -0,9 tỷ | 100,770 |
| PPC | -0,6 tỷ | 22,340 |
| DHG | -0,5 tỷ | 4,370 |
| GMC | -0,3 tỷ | 9,370 |
| PXT | -0,3 tỷ | 76,000 |

| GD NDTNN | KL Ròng | GT Ròng (tỷ) |
|----------|-----------|--------------|
| HOSE | 3,123,510 | 112.87 |

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ VN-Index xanh điểm trong phần lớn thời gian giao dịch nhờ nhiều vào sự tích cực của Bluechips và đặc biệt là các mã đã kín room ngoại như FPT, TCM, REE...
- ▶ Đà bán đã giảm đi nhiều, tuy nhiên lực cầu giá xanh vẫn còn e ngại. Chính vì vậy mà thanh khoản tiếp tục sụt giảm. Sự thận trọng vẫn đang được đề cao.
- ▶ VN-Index vẫn tiếp tục đan xen tăng giảm trong ngưỡng 504 - 513, nhưng dòng tiền sẽ liên tục xoay chuyển, nếu giảm điểm thì ngưỡng 500 - 502 sẽ hỗ trợ mạnh cho TT.
- ▶ Khối ngoại gia tăng lượng mua ròng, điều này sẽ giúp củng cố niềm tin của NĐT trong bối cảnh đang chưa có nhiều thông tin hỗ trợ.
- ▶ NĐT nên giữ tỷ trọng cổ phiếu khoảng 70%, chỉ tăng tỷ trọng khi thanh khoản được tăng lên và ngưỡng 500 - 502 điểm không bị phá vỡ.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

| Mã CK | SLCPLH (triệu) | Giá (000') | Vốn hóa (tỷ) | EPS (000') | P/E (lần) | P/B (lần) | D/E |
|-------|----------------|------------|--------------|------------|-----------|-----------|------|
| GAS | 1,895.0 | 66.5 | 126,017.50 | 6,696 | 9.7 | 3.7 | 0.40 |
| VNM | 833.5 | 135.0 | 112,518.05 | 8,053 | 16.9 | 6.7 | 0.22 |
| VIC | 908.7 | 70.0 | 63,610.94 | 6,710 | 10.3 | 3.8 | 2.74 |
| VCB | 2,317.4 | 27.0 | 62,570.26 | 1,757 | 15.3 | 1.5 | 9.59 |
| MSN | 734.9 | 84.5 | 62,100.01 | 555 | 153.1 | 4.3 | 1.77 |
| CTG | 3,723.4 | 16.5 | 61,436.18 | 2,287 | 7.2 | 1.2 | 9.54 |
| BVH | 680.5 | 38.5 | 26,198.15 | 1,618 | 23.7 | 2.2 | 3.18 |
| STB | 1,142.5 | 16.9 | 19,308.45 | 703 | 24.0 | 1.2 | 8.60 |
| HPG | 419.1 | 40.5 | 16,971.63 | 3,913 | 10.2 | 1.8 | 1.41 |
| PVD | 275.3 | 61.5 | 16,928.37 | 6,606 | 9.2 | 1.7 | 1.13 |

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

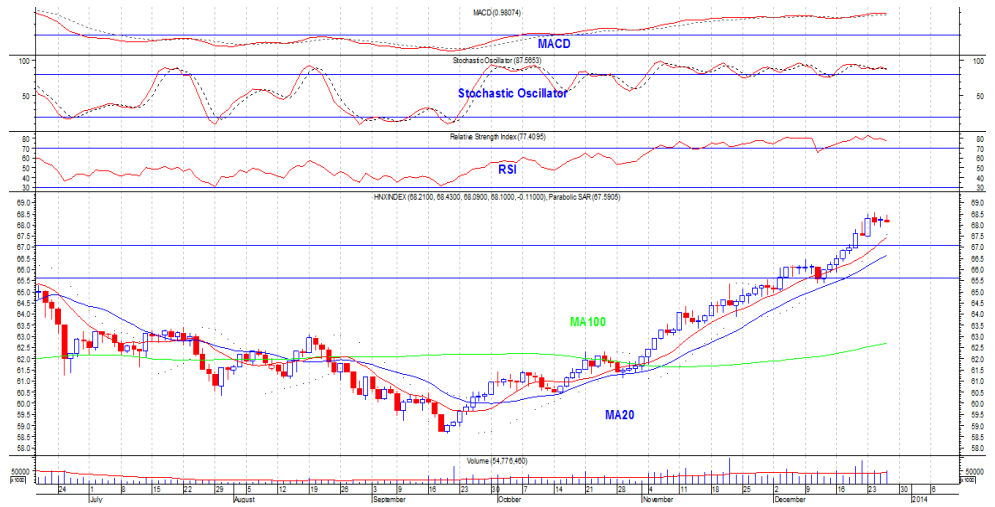
| Mã CK | SLCPLH (triệu) | Giá (000') | Vốn hóa (tỷ) | P/E (lần) | P/B (lần) | Giá mục tiêu | Khuyến nghị |
|-------|----------------|------------|--------------|-----------|-----------|--------------|-------------|
| PVT | 232.6 | 12.2 | 2,837.72 | 18.2 | 1.1 | NA | T.ĐỒI |
| PPC | 318.2 | 24.7 | 7,858.42 | 4.1 | 1.5 | NA | T.ĐỒI |
| PHR | 78.5 | 30.7 | 2,409.64 | 6.0 | 1.2 | 31.0 | GIỮ |
| BMP | 45.5 | 70.0 | 3,183.49 | 8.4 | 2.2 | NA | T.ĐỒI |
| VSC | 28.6 | 54.0 | 1,546.89 | 6.7 | 1.9 | NA | T.ĐỒI |
| DPM | 379.9 | 41.3 | 15,691.28 | 6.3 | 1.6 | NA | T.ĐỒI |

HNX 26/12/2013 HNX-Index 68.10 -0.10 -0.15% 56,977,531 CP 430.40 bil. VND

Sự suy yếu ở nhiều cổ phiếu chủ chốt khiến HNX-Index giảm điểm

Chỉ số HNX-Index giảm 0.1 điểm (-0.15%), đóng cửa tại mốc 68.10 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ, thân ngắn, giảm điểm nhẹ.

- Đường MA10 và MA20 vẫn đang xu hướng tăng, cho thấy xu hướng tăng điểm ngắn hạn của HNX-Index vẫn đang được giữ vững.
- Chỉ báo Stochastic Oscillator cho tín hiệu bán những vẫn duy trì trong vùng quá mua.
- Tín hiệu MACD Histogram dừng đã tăng.
- RSI (14) giảm nhẹ xuống mức 77.
- ADX tiếp tục duy trì sự tích cực và ở mức cao trên 50.



HNX Top 5 theo KLGD

| | | |
|-----|--------------|------------|
| PVX | 0 (0.0%) | 22,110,020 |
| SCR | 0.1 (1.3%) | 4,532,140 |
| KLF | -1 (-6.1%) | 2,593,300 |
| PVS | -0.1 (-0.5%) | 1,974,410 |
| FIT | -0.5 (-2.7%) | 1,854,000 |

HNX Top 5 theo % tăng

| | | |
|-----|-------------|--------|
| SDC | 1 (15.6%) | - |
| TXM | 0.6 (10.0%) | 16,600 |
| VE4 | 0.8 (10.0%) | - |
| DID | 0.5 (9.8%) | 100 |
| VXB | 0.9 (9.7%) | 1,300 |

HNX Top 5 theo % giảm

| | | |
|-----|--------------|--------|
| HTB | -2.6 (-9.9%) | 3,600 |
| NGC | -1.5 (-9.9%) | 100 |
| SFN | -1.4 (-9.9%) | 100 |
| SDG | -2.2 (-9.6%) | 200 |
| BKC | -1.3 (-9.5%) | 10,600 |

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

| | | |
|-----|--------|---------|
| PVS | 9,3 tỷ | 460,000 |
| SD7 | 0,8 tỷ | 66,000 |
| DBC | 0,6 tỷ | 30,000 |
| PVX | 0,3 tỷ | 90,400 |
| KLF | 0,2 tỷ | 15,700 |

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

| | | |
|-----|---------|---------|
| VCS | -1,3 tỷ | 100,000 |
| PVG | -0,3 tỷ | 20,000 |
| S91 | -0,1 tỷ | 9,500 |
| SCR | -0,1 tỷ | 10,000 |
| SHN | -0,1 tỷ | 18,000 |

| GD NDTNN | KL Ròng | GT Ròng (tỷ) |
|----------|---------|--------------|
| HNX | 696,200 | 11.68 |

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ HNX-Index cũng gần như xanh điểm cả phiên, nhưng lại đuối dần về cuối phiên do sự đuối dần của các mã chủ chốt như PVX, PVS, VCG...
- ▶ Thanh khoản gia tăng và vượt lên ngưỡng bình quân 20 phiên nhờ sự đột biến thanh khoản ở PVX. Tâm lý nhà đầu tư sàn Hà Nội vẫn khá ổn định.
- ▶ Việc dòng tiền xoay vòng giữa các nhóm cổ phiếu, khiến cho nhịp tăng điểm của HNX-Index vẫn liên tục được duy trì. Nếu có điều chỉnh thì nhịp điều chỉnh cũng sẽ giảm đi.
- ▶ Khối ngoại giữ nhịp mua ròng quen thuộc của mình ở sàn Hà Nội. Đây chính là yếu tố tích cực giúp cho động lực tăng điểm của sàn này tiếp tục được cải thiện.
- ▶ Nhóm cổ phiếu ở sàn Hà Nội vẫn tiếp tục được ưu tiên nắm giữ. Nhà đầu tư giữ tỷ trọng ở mức khoảng 70% tránh rủi ro khi sàn này đang đối mặt với áp lực điều chỉnh.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

| Mã CK | SLCPLH (triệu) | Giá (000') | Vốn hóa (tỷ) | EPS (000') | P/E (lần) | P/B (lần) | D/E |
|-------|----------------|------------|--------------|------------|-----------|-----------|-------|
| ACB | 921.5 | 15.6 | 14,375.64 | 1,027 | 15.2 | 1.1 | 11.53 |
| PVS | 446.7 | 20.2 | 9,023.35 | 2,872 | 7.1 | 1.2 | 2.15 |
| SQC | 110.0 | 78.2 | 8,602.00 | 198 | 395.7 | 6.4 | 0.24 |
| SHB | 886.1 | 6.8 | 6,025.37 | 1,884 | 3.7 | 0.6 | 10.63 |
| OCH | 200.0 | 27.4 | 5,480.00 | 687 | 39.9 | 2.6 | 0.95 |
| VCG | 441.7 | 10.4 | 4,593.79 | 403 | 25.8 | 0.9 | 3.58 |
| PVI | 226.3 | 18.4 | 4,163.09 | 1,239 | 14.8 | 0.7 | 0.81 |
| LAS | 77.8 | 37.1 | 2,887.57 | 5,181 | 7.1 | 2.2 | 1.11 |
| NTP | 43.3 | 59.5 | 2,578.61 | 7,195 | 8.3 | 2.1 | 0.44 |
| VNR | 100.8 | 22.1 | 2,228.29 | 3,470 | 6.4 | 0.9 | 0.91 |

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

| Mã CK | SLCPLH (triệu) | Giá (000') | Vốn hóa (tỷ) | P/E (lần) | P/B (lần) | Giá mục tiêu | Khuyến nghị |
|-------|----------------|------------|--------------|-----------|-----------|--------------|-------------|
| PGS | 38.0 | 28.5 | 1,083.00 | 5.2 | 1.2 | NA | T.ĐỒI |
| AAA | 19.8 | 17.7 | 350.46 | 5.3 | 0.7 | NA | T.ĐỒI |
| VND | 96.9 | 10.4 | 1,008.14 | 8.1 | 0.8 | NA | T.ĐỒI |
| NTP | 43.3 | 59.5 | 2,578.61 | 8.3 | 2.1 | NA | T.ĐỒI |
| LHC | 2.0 | 55.0 | 110.00 | 2.3 | 1.0 | NA | T.ĐỒI |
| DXP | 7.9 | 46.1 | 363.04 | 5.7 | 1.6 | NA | T.ĐỒI |

| Chỉ số bình quân ngành | Vốn hóa (tỷ) | EPS | P/E | P/B | D/E |
|---|---------------------|------------|------------|------------|------------|
| Hóa chất & Tài nguyên cơ bản | | | | | |
| Hóa Chất | | | | | |
| Nhựa, cao su & sợi | 7,910 | 4,300 | 6.3 | 1.0 | 0.52 |
| Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác | 21,106 | 5,436 | 6.5 | 1.6 | 0.39 |
| Lâm nghiệp và giấy | | | | | |
| Lâm sản và Chế biến gỗ | 1,135 | 302 | 20.1 | 0.5 | 1.98 |
| Sản xuất giấy | 622 | 397 | 18.3 | 0.7 | 0.99 |
| Kim loại | | | | | |
| Thép và sản phẩm thép | 27,557 | | 13.9 | 1.6 | 1.83 |
| Khai khoáng | | | | | |
| Khai thác than | 1,439 | 312 | 30.4 | 0.8 | 5.24 |
| Khai khoáng | 12,140 | 726 | 39.4 | 4.9 | 0.35 |
| Xây dựng và vật liệu | | | | | |
| Xây dựng và vật liệu | | | | | |
| Vật liệu xây dựng & Nội thất | 14,990 | 1,025 | 11.7 | 1.3 | 1.64 |
| Xây dựng | 24,166 | - 395 | 23.2 | 0.9 | 3.27 |
| Hàng và dịch vụ công nghiệp | | | | | |
| Hàng công nghiệp | | | | | |
| Containers & Đóng gói | 2,201 | 2,624 | 7.3 | 1.1 | 1.02 |
| Công nghiệp phức hợp | 322 | 1,656 | 4.7 | 0.7 | 0.35 |
| Điện tử và thiết bị điện | | | | | |
| Hàng điện & điện tử | 1,765 | 1,280 | 11.3 | 1.3 | 1.05 |
| Thiết bị điện | 1,491 | - 438 | 12.8 | 0.7 | 1.12 |
| Công nghiệp nặng | | | | | |
| Xe tải & Đóng tàu | 30 | 47 | 103.1 | 0.4 | 0.43 |
| Máy công nghiệp | 8,119 | 2,915 | 8.2 | 1.4 | 0.66 |
| Vận tải | | | | | |
| Vận tải thủy | 6,632 | - 2,776 | 2.9 | 0.8 | 1.75 |
| Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng | 8,733 | 3,097 | 11.0 | 1.4 | 0.43 |
| Dịch vụ vận tải | 4,698 | 1,639 | 10.6 | 1.3 | 0.82 |
| Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh | | | | | |
| Tư vấn & Hỗ trợ KD | 1,844 | 1,801 | 9.2 | 1.2 | 2.92 |
| Đào tạo & Việc làm | 223 | 369 | 22.3 | 0.6 | 1.93 |
| Nhà cung cấp thiết bị | 167 | 885 | 8.7 | 0.8 | 2.38 |
| Chất thải & Môi trường | 114 | 6,413 | 1.9 | 0.7 | 1.30 |
| Ô tô và Phụ tùng | | | | | |
| Ô tô và Phụ tùng | | | | | |
| Sản xuất ô tô | 1,892 | 1,077 | 14.1 | 6.7 | 48.74 |
| Lốp xe | 6,061 | 4,405 | 7.6 | 2.3 | 1.28 |
| Thực phẩm và đồ uống | | | | | |
| Bia và đồ uống | | | | | |
| Sản xuất bia | 1,239 | 2,750 | 6.3 | 1.0 | 0.89 |
| Vang & Rượu mạnh | 203 | 1,484 | 15.3 | 1.6 | 1.01 |
| Đồ uống & giải khát | 202 | 3,598 | 5.3 | 1.0 | 0.41 |
| Sản phẩm thực phẩm | | | | | |
| Nuôi trồng nông & hải sản | 12,093 | 1,640 | 10.4 | 1.1 | 1.97 |
| Thực phẩm | 196,738 | 3,857 | 21.7 | 5.4 | 0.76 |
| Hàng cá nhân và gia dụng | | | | | |
| Hàng gia dụng | | | | | |
| Đồ gia dụng lâu bền | 41 | - 692 | 4.9 | 0.5 | 0.31 |
| Thiết bị gia dụng | 2,080 | 2,036 | 8.4 | 1.0 | 1.19 |
| Hàng hóa giải trí | | | | | |
| Điện tử tiêu dùng | 172 | 4,808 | 3.9 | 1.5 | 0.45 |
| Hàng cá nhân | | | | | |
| Hàng may mặc | 2,545 | 2,414 | 8.4 | 1.3 | 1.63 |
| Giày dép | 6 | 1,938 | 1.9 | 0.2 | 0.59 |
| Hàng cá nhân | 5,045 | 3,081 | 10.4 | 1.8 | 0.92 |
| Thuốc lá | | | | | |
| Thuốc lá | 699 | - | 27.3 | 1.0 | 2.56 |

| Chỉ số bình quân ngành | Vốn hóa (tỷ) | EPS | P/E | P/B | D/E |
|---|---------------------|------------|------------|------------|------------|
| Y tế | | | | | |
| Thiết bị và dịch vụ y tế | | | | | |
| Thiết bị y tế | 1,040 | 2,542 | 7.2 | 1.1 | 0.61 |
| Dụng cụ y tế | 91 | 5,281 | 2.5 | 1.2 | 1.30 |
| Dược phẩm | | | | | |
| Công nghệ sinh học | 161 | 870 | 16.2 | 1.0 | 0.43 |
| Dược phẩm | 13,693 | 5,962 | 10.7 | 3.1 | 0.80 |
| Bán lẻ | | | | | |
| Phân phối thực phẩm và dược | | | | | |
| Phân phối thực phẩm | 365 | 453 | 64.0 | 1.1 | 2.65 |
| Bán lẻ | | | | | |
| Bán lẻ phức hợp | 597 | 471 | 29.6 | 1.0 | 1.07 |
| Phân phối hàng chuyên dụng | 2,631 | 3,177 | 8.2 | 1.6 | 3.86 |
| Truyền thông, Du lịch và Giải trí | | | | | |
| Truyền thông | | | | | |
| Dịch vụ truyền thông | 10 | 2,492 | 3.3 | 0.4 | 0.78 |
| Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa | 1,051 | 1,591 | 7.4 | 0.9 | 0.64 |
| Du lịch và giải trí | | | | | |
| Hàng không | 99 | 4,511 | 7.3 | 2.2 | 1.04 |
| Khách sạn | 5,938 | 583 | 42.4 | 2.5 | 0.91 |
| Dịch vụ giải trí | 1,956 | 605 | 21.1 | 1.6 | 0.81 |
| Vận tải hành khách & Du lịch | 1,105 | 914 | 19.5 | 2.0 | 0.49 |
| Viễn Thông & Công nghệ thông tin | | | | | |
| Viễn thông cố định | | | | | |
| Viễn thông cố định | 43 | 628 | 10.1 | 0.3 | 0.76 |
| Phần mềm và dịch vụ máy tính | | | | | |
| Dịch vụ máy tính | 419 | 63 | 78.5 | 0.5 | 1.30 |
| Internet | 311 | 72 | 58.6 | 0.8 | 3.45 |
| Phần mềm | 13,131 | 5,015 | 8.1 | 1.8 | 1.11 |
| Thiết bị và phần cứng | | | | | |
| Phần cứng | 306 | 555 | 13.3 | 0.5 | 1.43 |
| Thiết bị văn phòng | 199 | 3,383 | 4.7 | 0.8 | 0.21 |
| Thiết bị viễn thông | 1,945 | 711 | 14.1 | 0.7 | 0.33 |
| Điện nước, xăng dầu và khí đốt | | | | | |
| Sản xuất & phân phối điện | | | | | |
| Sản xuất & phân phối điện | 21,054 | 2,218 | 6.5 | 1.2 | 1.17 |
| Nước & khí đốt | | | | | |
| Phân phối xăng dầu & khí đốt | 128,696 | 6,178 | 9.6 | 3.6 | 0.45 |
| Nước | 929 | 2,445 | 5.0 | 0.9 | 0.61 |
| Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản | | | | | |
| Bảo hiểm phi nhân thọ | | | | | |
| Bảo hiểm phức hợp | 1,234 | 959 | 10.7 | 0.9 | 1.93 |
| Bảo hiểm phi nhân thọ | 6,198 | 1,272 | 12.0 | 0.7 | 0.87 |
| Tái bảo hiểm | 2,228 | 3,470 | 6.4 | 0.9 | 0.91 |
| Bảo hiểm nhân thọ | | | | | |
| Bảo hiểm nhân thọ | 26,130 | 1,618 | 23.7 | 2.2 | 3.18 |
| Dịch vụ tài chính | | | | | |
| Tài chính đặc biệt | 3,390 | 196 | 57.5 | 1.1 | 2.61 |
| Môi giới chứng khoán | 17,116 | 696 | 14.4 | 1.0 | 0.58 |
| Ngân hàng | | | | | |
| Ngân hàng | 195,156 | 1,665 | 10.1 | 1.2 | 9.66 |
| Bất động sản | | | | | |
| Bất động sản | 127,695 | 1,345 | 16.8 | 2.7 | 1.92 |
| Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản | 3 | 720 | 3.5 | 0.3 | 1.03 |
| Dầu khí | | | | | |
| Thiết bị, dịch vụ và phân phối | | | | | |
| Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí | 27,171 | 3,937 | 8.4 | 1.5 | 1.48 |

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn - Tổng hợp thông tin vĩ mô - Phân tích kỹ thuật - Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn - Ngân hàng - Thép và sản phẩm thép - Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn - Sản phẩm hóa dầu - Phân phối xăng dầu, khí đốt - Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn - Nhựa, cao su, sợi - Thực phẩm - Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.